

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 222-TC/TQĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 8 năm 1970

THÔNG TƯ

**Quy định về thủ tục và biện pháp thu nộp các khoản thuế lãi, chênh lệch giá
đối với các xí nghiệp thương nghiệp quốc doanh thuộc ngành nội thương**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ vào nghị định số 235-CP ngày 04-12-1969 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời về chế độ thu tài chính và chế độ phân phối lợi nhuận xí nghiệp quốc doanh trong ngành nội thương; căn cứ vào quyết định số 258-CP ngày 29-12-1969 của Hội đồng Chính phủ ấn định khoản thu của ngân sách địa phương về giao nộp nông sản, thực phẩm; căn cứ vào thông tư liên Bộ Tài chính-Nội thương-Ngân hàng Nhà nước số 93-TT/LB ngày 16-4-1970 hướng dẫn việc thi hành các nghị định và quyết định nói trên, Bộ Tài chính ban hành thông tư này nhằm quy định các thủ tục và biện pháp thu nộp vào ngân sách Nhà nước các khoản chênh lệch giá phát sinh do thực hiện các chế độ thu mới, ở các xí nghiệp thuộc ngành nội thương; nhắc lại các thủ tục và biện pháp thu nộp vào ngân sách Nhà nước các khoản thuế, lãi, khấu hao cơ bản, thu theo các chế độ, thể lệ hiện hành vào các hoạt động kinh doanh ăn uống, phục vụ, chăn nuôi....và các hoạt động ngoài lưu thông thuần túy khác thuộc ngành nội thương (thông tư số 93-TTg ngày 17-9-1962 của Thủ tướng Chính phủ và nghị định số 45-CP ngày 23-9-1960 của Hội đồng Chính phủ)

I. THU CÁC KHOẢN CHÊNH LỆCH GIÁ

Do áp dụng chế độ thu tài chính mới trong ngành nội thương và do yêu cầu hạch toán kế toán của các xí nghiệp nội thương nên đã có sự sắp xếp lại hệ thống giá cả áp dụng trong việc giao dịch giữa các xí nghiệp lưu thông thuần túy thuộc ngành nội thương với các khách bán hàng hoặc mua hàng.

Như đã giải thích trong thông tư liên Bộ Tài chính-Nội thương-Ngân hàng Nhà nước số 93, sự sắp xếp lại hệ thống giá nói trên nhằm làm cho các khoản thu quốc doanh, thuế, và đại bộ phận lãi thương nghiệp mà trước đây, theo chế độ thu cũ, các xí nghiệp thương nghiệp cấp I, cấp II thường nộp cho ngân sách, thì nay, theo chế độ thu mới: - một phần được dồn về khâu sản xuất công nghiệp và do các xí nghiệp sản xuất công nghiệp nộp cho ngân sách Nhà nước, hoặc là dồn về khâu ngoại thương và do các Tổng công ty ngoại thương nộp cho ngân sách Nhà nước; - một phần được chuyển thành các khoản thu về chênh lệch giá. Các khoản này hình thành mỗi khi có phát sinh hoạt động kinh tế của xí nghiệp thương nghiệp, như:

- Khi nhập kho hàng lưu thông thì có khoản: chênh lệch giá gia công (ở những đơn vị mà hoạt động gia công là hoạt động phụ thuộc); chênh lệch giá thu mua hàng thủ công nghiệp; chênh lệch giá thu mua nông sản, thực phẩm;

- Khi bán hàng thì có khoản: chênh lệch giá gia công (đối với những đơn vị đã hạch toán kế toán độc lập); chênh lệch giá khu vực; chênh lệch giá về hàng công nghiệp bán 2 giá; chênh lệch giá về số nông sản thực phẩm tiêu thụ tại địa phương; v.v...

Nguyên tắc cơ bản là: Khoản chênh lệch giá phát sinh khi nhập kho hay khi bán hàng thì xí nghiệp thương nghiệp phải làm ngay thủ tục kê khai rành mạch và cụ thể cho cơ quan thu, để thu nộp cho ngân sách Nhà nước.

Trường hợp có chênh lệch giá được ngân sách cấp bù (nghĩa là phát sinh lỗ do chính sách giá cả hay do yêu cầu của hạch toán kế toán) thì căn cứ vào các quy định về chế độ thu nộp mà Nhà nước đã quy định: "xí nghiệp phải hạch toán và kê khai rõ ràng và được ngân sách cấp bù kịp thời theo yêu cầu của xí nghiệp", tuyệt đối không được lấy thu để bù lỗ, cũng như không được hạch toán thẳng vào tài khoản lỗ lãi.

A. Thu khoản chênh lệch giá phát sinh lúc hàng hóa nhập kho lưu thông thương nghiệp;

Khoản này gồm có:

- Chênh lệch giá gia công, sản xuất phát sinh ở các cơ sở gia công sản xuất phụ thuộc chưa hạch toán kinh tế độc lập:

Mức chênh lệch = giá chỉ đạo nhập kho trừ (-) giá thành kế hoạch;

- Chênh lệch giá mua hàng thủ công nghiệp, hàng công nghiệp nhập khẩu và các hàng công nghiệp khác:

Mức chênh lệch = giá chỉ đạo nhập kho trừ (-) giá mua thực tế.

- Chênh lệch giá thu mua hàng nông sản thực phẩm:

Mức chênh lệch = giá chỉ đạo thu mua trừ (-) giá mua thực tế;...

Theo chế độ thu mới thì đối với hàng công nghiệp, xí nghiệp thương nghiệp nhập kho hàng hóa phải hạch toán theo giá chỉ đạo nhập kho (giá lẻ trừ (-) chiết khấu thương nghiệp); đối với nông sản thực phẩm thì hạch toán theo giá chỉ đạo thu mua tại thị trường chính địa phương.

Ngân hàng cũng căn cứ vào giá nhập kho như trên để cho xí nghiệp vay thu mua hoặc vay luân chuyển và dự trữ.

Nếu giá nhập kho cao hơn giá xí nghiệp thương nghiệp trả cho người bán hàng, thì xí nghiệp phải nộp khoản chênh lệch thừa vào ngân sách Nhà nước; nếu thấp hơn thì xí nghiệp được ngân sách cấp bù khoản chênh lệch thiếu.

Biện pháp kê khai, thu nộp:

a) Khi hàng hóa nhập kho thương nghiệp, hoặc khi xí nghiệp nhận được chứng từ của bên bán đòi tiền hàng, thì ngay trong ngày hoặc chậm nhất là ngày hôm sau, xí nghiệp phải làm thủ tục (bản kê hàng hóa nhập kho, hóa đơn,...) để xin vay Ngân hàng theo giá nhập kho, bảo đảm đúng thời hạn (3 ngày) do Ngân hàng quy định để cho vay thanh toán tiền mua hàng, đồng thời làm tờ khai cho cơ quan thu (kiêm ủy nhiệm chi) yêu cầu Ngân hàng Nhà nước trích nộp vào ngân sách khoản chênh lệch giá phát sinh về số hàng hóa nhập kho đó.

b) Ngân hàng căn cứ vào các chứng từ nói trên, cho xí nghiệp vay (theo giá nhập kho), đồng thời căn cứ tờ khai (kiêm ủy nhiệm chi), trích nộp vào ngân sách khoản chênh lệch giá phát sinh.

Trên bản kê hàng hóa nhập kho thương nghiệp, hóa đơn hàng nhập kho, cũng như tờ khai (kiêm ủy nhiệm chi), phải ghi rõ mặt hàng, số lượng, giá cả theo giá chỉ đạo nhập kho và giá mua thực tế, số chênh lệch giá phải nộp ngân sách (hoặc được

ngân sách cấp bù). Tờ khai (kiêm ủy nhiệm chi) nộp ngân sách, xí nghiệp phải làm thành 6 liên theo mẫu số 1 đính kèm thông tư này⁽¹⁾.

- Một liên gửi cho cơ quan thu địa phương thay giấy báo nộp ngân sách.
- Bốn liên gửi cho Ngân hàng. Sau khi Ngân hàng đã cho vay và trích nộp ngân sách thì trả lại cho cơ quan thu địa phương một liên để báo cho biết đã thu vào kho bạc.

c) Các công ty cấp I phải thực hiện việc kê khai và nộp các khoản chênh lệch giá vào ngân sách, theo từng chuyến hàng nhập kho. Đối với các công ty cấp II thì cơ quan thu địa phương ấn định lịch nộp cho từng công ty (hàng ngày, từ 3 đến 5 ngày một lần, hoặc mỗi tháng từ 2 đến 3 lần).

d) Nếu trong cùng một chuyến hàng hóa nhập kho mà vừa có chênh lệch thừa và chênh lệch thiếu, thì xí nghiệp phải ghi rành mạch trong bản kê hàng nhập kho, hóa đơn, tờ khai...lên cân đối để nộp ngân sách hoặc xin ngân sách cấp bù; tùy theo yêu cầu của xí nghiệp, cơ quan tài chính tiến hành việc cấp bù ngay hoặc thực hiện việc bù trừ trong chuyến nhập kho kế tiếp.

e) Riêng đối với việc thu chênh lệch giá gia công ở các cơ sở gia công phụ thuộc. Xí nghiệp thương nghiệp phải:

- Đăng ký với cơ quan thu (theo mẫu số 2 đính kèm thông tư này)⁽¹⁾: tên các cơ sở nhận gia công, những mặt hàng gia công, giá thành của đơn vị sản phẩm (giá thành kế hoạch hoặc giá thành tính theo công thức);
- Mở thêm 2 cột ở bảng kê hàng gia công nhập kho và sổ nhật ký (thường gọi là nhật biên) hàng gia công nhập kho cột "giá thành kế hoạch của đơn vị sản phẩm" và cột "số chênh lệch giá gia công phải nộp ngân sách (hoặc được ngân sách cấp bù)".
- Đối với hàng gia công thuộc loại chịu thuế hàng hóa, khi nhập kho, xí nghiệp thương nghiệp phải khai số thuế hàng hóa phải nộp, để ngân hàng trích chuyển vào ngân sách số thuế đó cùng một lúc với số thu về chênh lệch giá gia công. Khai nộp thuế hàng hóa và khai nộp khoản chênh lệch giá trên cùng một tờ khai (kiêm ủy nhiệm chi).

Việc tính số chênh lệch giá gia công theo như quy định trong thông tư liên Bộ Tài chính-Ngân hàng Nhà nước-Nội thương số 93-TT/LB ngày 16-4-1970, và giá tính thuế hàng hóa đối với hàng gia công là giá bán buôn thương nghiệp của xí nghiệp thương nghiệp cho gia công.

B. Thu các khoản chênh lệch giá phát sinh khi bán ra, thu được tiền về.

1. Khoản này gồm có:

- Chênh lệch giá gia công phát sinh ở các đơn vị hạch toán kinh tế độc lập:

Mức chênh lệch = giá bán lẻ trừ (-) chiết khấu thương nghiệp, trừ (-) giá thành kế hoạch;

- Chênh lệch giá khu vực:

Mức chênh lệch = giá bán lẻ thị trường chính nơi xí nghiệp bán trừ (-) giá bán lẻ thị trường chính nơi xí nghiệp mua;

- Chênh lệch do bán giá cao xe đạp, phụ tùng xe đạp, mì chính nhập khẩu, vv...

Mức chênh lệch = giá bán lẻ tự do trừ (-) giá bán cung cấp;

- Các khoản chênh lệch giá khác (phát sinh do nông sản thực phẩm tiêu thụ tại địa phương, do bán vật tư kỹ thuật và tư liệu sản xuất theo giá lẻ, vv...).

Tất cả các khoản chênh lệch giá cả kể trên đều phát sinh khi xí nghiệp thương nghiệp bán hàng và thu tiền về, nghĩa là trong số tiền hàng mà xí nghiệp thu được về có gồm cả giá vốn hàng bán ra, khoản chiết khấu thương nghiệp định mức, và những khoản chênh lệch giá nói trên.

Cần chú ý là không phải ở mọi xí nghiệp thương nghiệp lưu thông thuần túy đều phát sinh tất cả các khoản chênh lệch giá cả kể trên do đó, phải căn cứ vào đặc điểm hoạt động kinh doanh, giá cả mua bán của từng đơn vị cơ sở mà tính toán cụ thể từng khoản chênh lệch giá phải thu nộp vào ngân sách. Ở các công ty thương nghiệp cấp I, thường chỉ phát sinh các khoản chênh lệch giá gia công và thuế hàng hóa, chênh lệch giá khu vực, chênh lệch giá bán hàng nông sản thực phẩm; ở các công ty cấp II bán buôn và xí nghiệp bán lẻ, ngoài các khoản kể trên còn có khoản chênh lệch giá do bán xe đạp, phụ tùng xe đạp... theo giá cao, do bán vật tư kỹ thuật và tư liệu sản